

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 07/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Ngô Quang Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 38/2024/TLPT-HN ngày 1 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 93/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11786/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn T sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn TL, xã LĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương; có mặt.

* **Bị đơn:** Chị Lê Thị H sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn TH, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 28/4/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã LĐ, huyện CG, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất

đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02/2015. Đến năm 2016, anh vào Thanh Hóa tìm gặp chị H với mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Sau đó, anh chị có sinh cháu thứ hai là Phạm Thanh Dg, sinh ngày 13/01/2017. Sau khi chị H sinh con, anh có đến thăm nom, chăm sóc mẹ con, tuy nhiên chị H không muốn quay về gia đình nhà chồng sinh sống, nên mỗi người sống một nơi, ít quan tâm đến nhau. Đến đầu năm 2018, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ khi chị H đi nước ngoài, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, nhưng chị H không muốn về chung sống và không cho anh biết địa chỉ cụ thể. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H có 02 con chung là cháu Phạm Duy K, sinh ngày 15/4/2012 và cháu Phạm Thanh Dg, sinh ngày 13/01/2017. Nay ly hôn nguyện vọng của anh T được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Anh T trình bày không biết địa chỉ cụ thể tại Đài Loan của chị Lê Thị H nên không thể cung cấp cho Tòa án. Chị H vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Lê Vạn Th, sinh năm 1962 và bà Lê Thị H1, sinh năm 1960, thường trú tại thôn TH, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án T hành thu thập thêm thông tin từ bố mẹ đẻ của chị H.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, mẹ đẻ của chị H là bà Lê Thị H1 trình bày:

Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã LD, huyện CG, tỉnh Hải Dương ngày 28/4/2011. Sau khi kết hôn, anh T và chị H sinh sống tại gia đình anh T ở huyện CG, tỉnh Hải Dương. Năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Năm 2018, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian chị H ở nước ngoài, bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị H qua điện thoại, tuy nhiên bà không biết chính xác địa chỉ tại Đài Loan của chị H. Nay anh T có đơn ly hôn với chị H, bà không có ý kiến gì vì đó là việc riêng của anh chị.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Lê Thị H1. Bà H1 đã ký nhận toàn bộ các văn bản và cam đoan sẽ thông báo ngay cho chị H khi chị gọi điện về cho gia đình.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 93/2024/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn T.

- Về hôn nhân: Cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Lê Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Duy K, sinh ngày 15/4/2012, và cháu Phạm Thanh Dg, sinh ngày 13/01/2017 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 31/7/2024, bị đơn là chị Lê Thị H có đơn kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giao cho chị được nuôi cháu Phạm Thanh Dg.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Anh Phạm Văn T đồng ý với yêu cầu của chị Lê Thị H về việc giao cháu Phạm Thanh Dg cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị giao cháu Phạm Thanh Dg cho chị H nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận, chấp nhận kháng cáo của chị H, sửa Bản án sơ thẩm về phần con chung: Giao cháu Dg cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Kháng cáo của bị đơn – chị Lê Thị H làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định về quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là có căn cứ, đúng quy định.

* Về nội dung:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị Tòa án giao cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Thanh Dg, Hội đồng xét xử thấy: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H có 02 con chung là cháu Phạm Duy K, sinh ngày 15/4/2012, và cháu Phạm Thanh Dg, sinh ngày 13/01/2017. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, chị H đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cả 2 con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm chị H có đơn kháng cáo xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu bé là Phạm Thanh Dg với lý do: Hiện chị đã về nước và cháu Dg cũng có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc sinh hoạt, học tập. Tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Văn T cũng đồng ý với kháng cáo của chị H về việc để chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dg, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị H cũng như sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, sửa Bản án sơ thẩm về phần con chung theo hướng: Giao cháu Phạm Duy K, sinh ngày 15/4/2012 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thanh Dg, sinh ngày 13/01/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Lê Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn - chị Lê Thị H, sửa quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2024/HNGĐ-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về con chung, cụ thể:

Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử: Giao cháu Phạm Duy K, sinh ngày 15/4/2012 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thanh Dg, sinh ngày 13/01/2017 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T, chị H không pH cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H không phải chi án phí phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai số 0000485 ngày 12/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Thanh

Ngô Quang Dũng

Trần Xuân Thảo